

Báo cáo kỳ 02 dự báo từ ngày 23/01 đến 30/01/2018



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN **VIỆN NƯỚC, TƯƠI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG**

NHIỆM VỤ:

GIÁM SÁT, DỰ BÁO CHẤT LƯỢNG NƯỚC TRONG HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI LIÊN SƠN, PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

BÁO CÁO KỲ 02 DỰ BÁO TỪ NGÀY 23/01 ĐẾN 30/01/2018

Chủ nhiệm: Phạm Thanh Bình

Đơn vị thực hiện: Trung tâm Thủy lợi, Môi trường Ven biển và Hải đảo

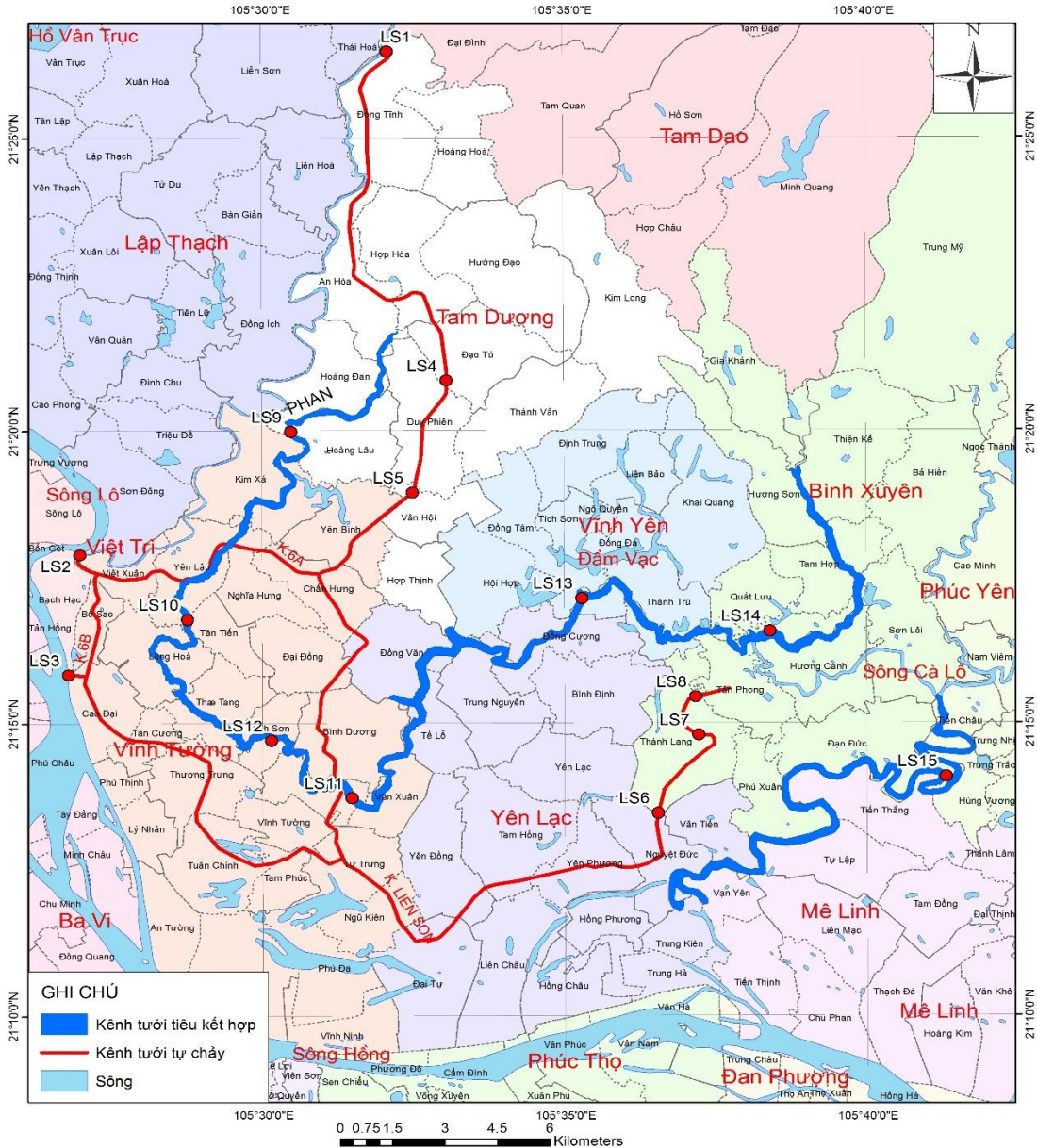
Dự án giám sát, dự báo chất lượng nước phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp hệ thống công trình thủy lợi Liên Sơn được Tổng cục Thủy lợi - Bộ NN&PTNN giao Viện Nước, Tươi tiêu và Môi trường thực hiện hàng năm. Thời gian thực hiện từ 16/1 đến 9/4, trong đó tháng 1, tháng 2 có 2 kỳ lấy mẫu; tháng 3 có 1 kỳ lấy mẫu và dự báo cho 7 ngày tiếp theo. Báo cáo kỳ được đưa lên trang web www.httl.com.vn; và gửi các địa phương vùng dự án.

Thông tin chi tiết xin liên hệ: Chủ nhiệm dự án: Phạm Thanh Bình ĐT: 0913.351.186

I. Vị trí dự báo chất lượng nước từ ngày 23/01/2018 đến ngày 30/01/2018

Vị trí các trạm quan trắc chất lượng nước được đặt ở những điểm tại đầu mối và các kênh trục quan trọng, có tầm ảnh hưởng lớn đến các khu vực lấy nước. Dự án quan trắc 15 điểm phục vụ giám sát, dự báo chất lượng nước được trình bày trong hình sau:

VỊ TRÍ LẤY MẪU HỆ THỐNG THỦY LỢI LIỄN SƠN



Bản đồ vị trí các trạm quan trắc, dự báo chất lượng nước

II. Dự báo chất lượng nước từ ngày 23/01/2018 đến ngày 30/01/2018

1. Diễn biến thủy văn và lịch sản xuất trong các ngày tới

Theo Trung dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương:

Trong tháng 01 năm 2018, mực nước trên các sông thuộc hệ thống sông Hồng - Thái Bình có khả năng xuất hiện 1 ÷ 2 đợt dao động với biên độ từ 1m ÷ 2m.

Lưu lượng trung bình: Trên sông Thao tại trạm Yên Bái là 250 m³/s thấp hơn 12%; trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang là 350 m³/s thấp hơn 6% so với TBNN.

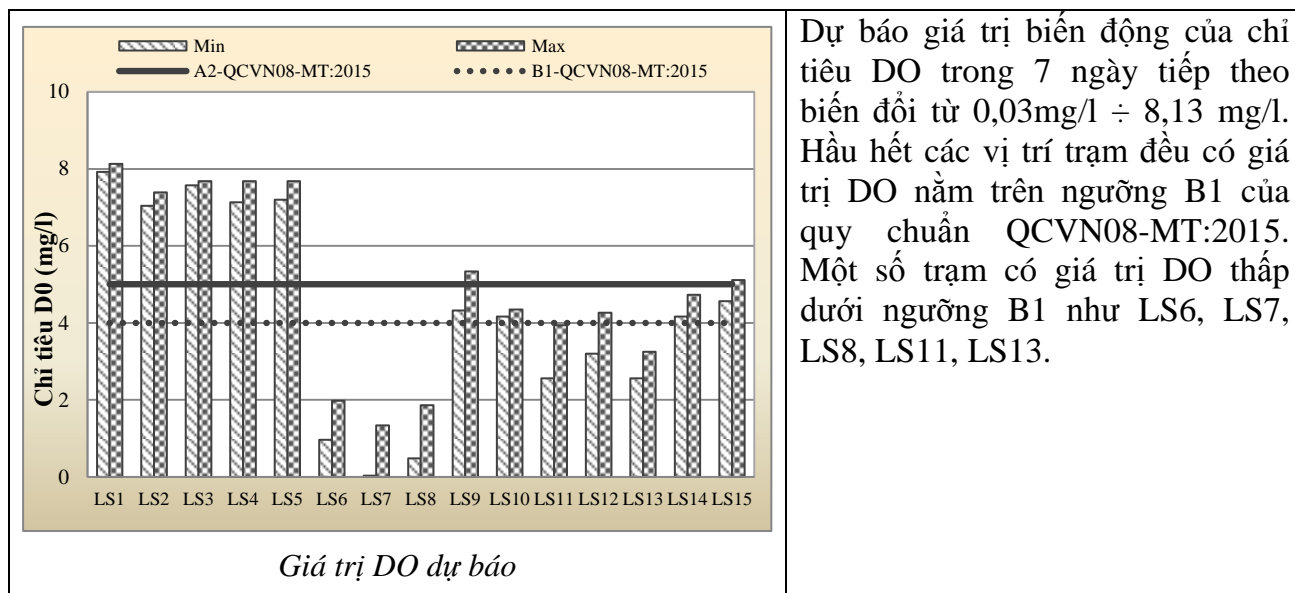
Thông tin chi tiết xin liên hệ: Chủ nhiệm dự án: Phạm Thanh Bình ĐT: 0913.351.186

Vụ Đông Xuân 2017÷2018, diện tích canh tác do hệ thống thủy lợi Liên Sơn phục trách trong giai đoạn làm đất và làm mạ. Thời tiết trong giai đoạn này khá thuận lợi cho việc gieo trồng.

2. Dự báo hàm lượng ô nhiễm hữu cơ trong các ngày tới

Các dự báo về chất lượng nước từ ngày 23/01/2018 đến ngày 30/01/2018 được thể hiện chi tiết trong bảng sau:

a. Chỉ tiêu DO

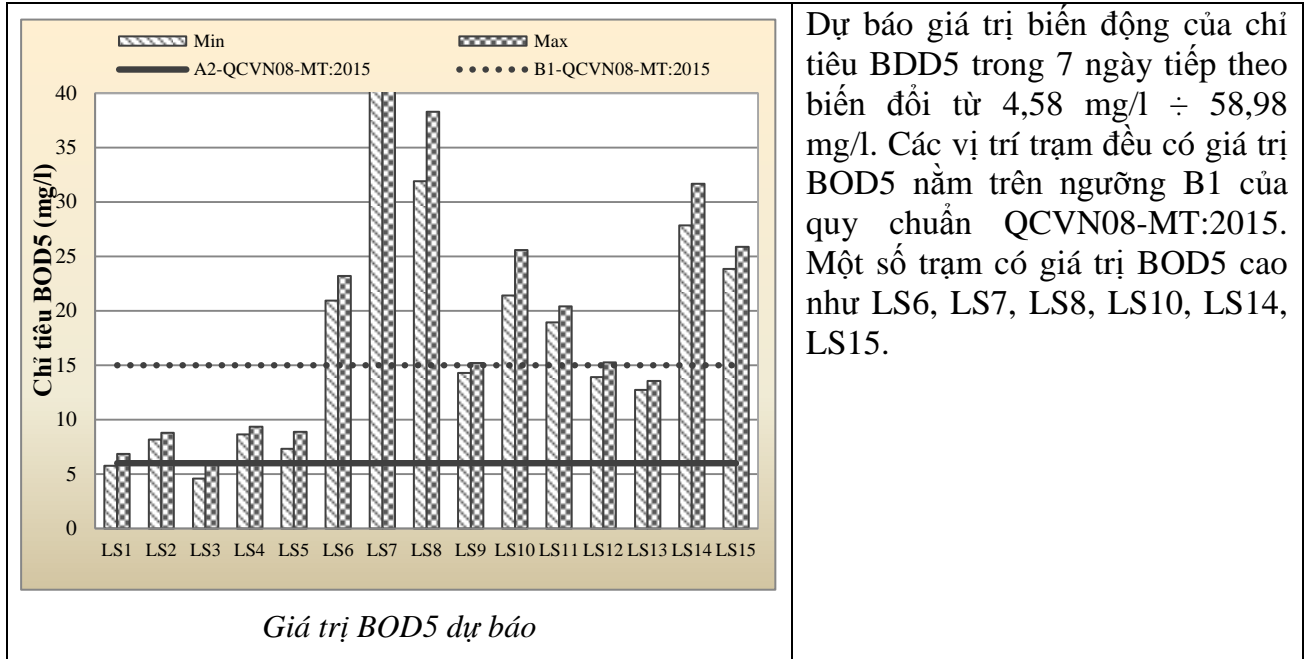


Bảng 1. Kết quả dự báo thông số DO các trạm đến ngày 30/01/2018

Đơn vị: mg/l

TT	Trạm	23/1/2018	24/1/2018	25/1/2018	26/1/2018	27/1/2018	28/1/2018	29/1/2018
1	LS1	7,92	7,95	7,98	8,00	8,06	8,10	8,13
2	LS2	7,39	7,28	7,16	7,04	7,15	7,22	7,37
3	LS3	7,61	7,63	7,64	7,68	7,61	7,58	7,57
4	LS4	7,13	7,28	7,43	7,52	7,59	7,64	7,68
5	LS5	7,32	7,29	7,26	7,20	7,31	7,46	7,68
6	LS6	1,98	1,37	1,19	0,96	1,23	1,68	1,98
7	LS7	1,34	0,98	0,36	0,03	0,28	0,52	0,79
8	LS8	1,86	1,29	0,86	0,48	0,86	1,12	1,50
9	LS9	5,34	5,33	5,33	4,32	4,72	4,66	4,78
10	LS10	4,29	4,25	4,19	4,16	4,23	4,31	4,35
11	LS11	3,94	3,35	2,98	2,56	2,67	2,81	2,96
12	LS12	3,75	3,68	3,45	3,20	3,52	3,89	4,26
13	LS13	3,17	2,98	2,75	2,56	2,77	2,98	3,25
14	LS14	4,73	4,58	4,32	4,16	4,28	4,33	4,53
15	LS15	5,11	4,92	4,78	4,64	4,60	4,57	4,56

b. Chỉ tiêu BOD5

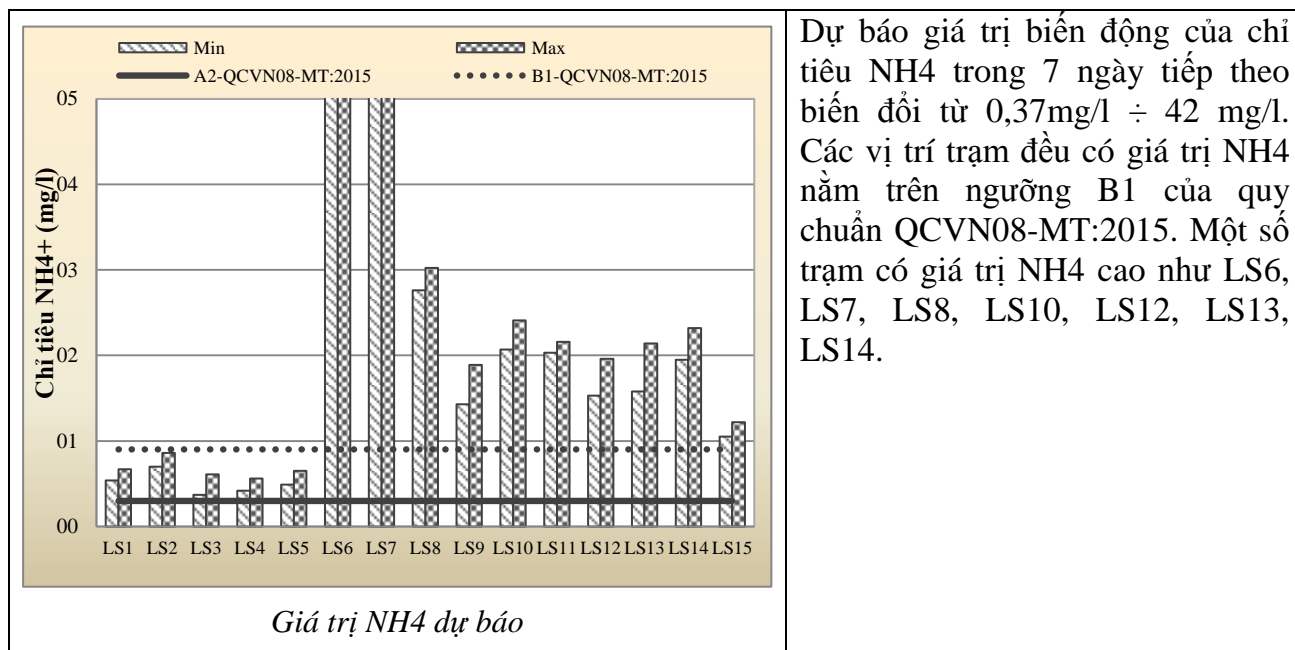


Bảng 2. Kết quả dự báo thông số BOD5 các trạm đến ngày 30/01/2018

Đơn vị: mg/l

TT	Trạm	23/1/2018	24/1/2018	25/1/2018	26/1/2018	27/1/2018	28/1/2018	29/1/2018
1	LS1	6,78	6,37	6,05	5,76	5,98	6,25	6,86
2	LS2	8,56	8,43	8,28	8,16	8,35	8,67	8,79
3	LS3	5,90	5,46	4,92	4,58	4,72	4,95	5,10
4	LS4	8,89	8,76	8,69	8,64	8,82	9,03	9,35
5	LS5	8,89	8,26	7,78	7,32	7,56	7,81	8,02
6	LS6	20,95	21,76	22,46	23,20	22,65	21,89	21,12
7	LS7	45,06	49,28	55,16	58,98	56,76	52,81	49,67
8	LS8	31,89	33,16	35,25	38,27	36,82	34,91	33,54
9	LS9	15,21	14,98	14,52	14,28	14,37	14,52	14,68
10	LS10	21,42	22,89	24,72	25,57	25,21	24,93	24,12
11	LS11	18,95	19,24	19,85	20,40	20,13	19,92	19,46
12	LS12	15,26	14,97	14,64	14,40	14,58	14,15	13,92
13	LS13	13,56	13,28	12,98	12,72	12,86	12,98	13,25
14	LS14	27,86	29,20	30,81	31,68	30,61	29,35	28,77
15	LS15	23,86	24,67	25,18	25,87	25,51	25,03	24,86

c. Chỉ tiêu NH4



Bảng 3. Kết quả dự báo thông số NH4 các trạm đến ngày 30/01/2018

TT	Trạm	23/1/2018	24/1/2018	25/1/2018	26/1/2018	27/1/2018	28/1/2018	29/1/2018
1	LS1	0,67	0,65	0,64	0,62	0,59	0,56	0,54
2	LS2	0,70	0,72	0,75	0,78	0,81	0,83	0,86
3	LS3	0,46	0,37	0,48	0,50	0,53	0,57	0,61
4	LS4	0,56	0,55	0,53	0,50	0,47	0,45	0,42
5	LS5	0,65	0,62	0,59	0,56	0,54	0,52	0,49
6	LS6	8,86	9,53	10,05	10,36	9,68	8,86	8,06
7	LS7	32,94	36,18	40,21	42,00	38,16	35,21	31,28
8	LS8	2,76	2,81	2,97	3,02	2,97	2,83	2,76
9	LS9	1,43	1,52	1,67	1,79	1,83	1,89	1,84
10	LS10	2,41	2,34	2,27	2,18	2,15	2,11	2,07
11	LS11	2,07	2,09	2,10	2,13	2,16	2,09	2,03
12	LS12	1,96	1,89	1,82	1,74	1,68	1,61	1,53
13	LS13	2,14	2,06	1,97	1,85	1,74	1,65	1,58
14	LS14	2,32	2,24	2,17	2,13	2,09	2,01	1,95
15	LS15	1,05	1,08	1,10	1,12	1,16	1,19	1,22

3. Các khuyến nghị, cảnh báo

(1). Dự báo trong thời gian tiếp theo, nhìn chung chất lượng nước dựa trên các yếu tố dự báo đảm bảo phục vụ cho tưới tiêu, một số khu vực do ảnh hưởng xả thải của dân cư vì vậy hàm lượng DO sẽ có xu thế giảm so với khu vực gần sông chính, các yếu tố BOD5 và NH4 có xu thế lớn hơn như các trạm LS6, LS7, LS8, LS10, LS13, LS14.

(2). Đề nghị cần cảnh báo các địa phương trong vùng về thực trạng ô nhiễm NH4, phải có biện pháp xử lý nếu lấy nước phục vụ nhu cầu sinh hoạt, cần trọng trong nuôi trồng thủy sản do nguy cơ dịch bệnh.

4. Nguồn tài liệu tham khảo

[1]. Báo cáo tổng kết công tác nông nghiệp năm 2017 và triển khai nhiệm vụ năm 2018 tỉnh Vĩnh Phúc;

[2]. Lịch gieo trồng và kế hoạch gieo trồng năm 2017-2018 của tỉnh Vĩnh Phúc.